

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 -2021

V/v: “ Tranh chấp ly hôn ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, năm 1969.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quân C, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp Suối Q, xã Cẩm Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà S, ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông Nguyễn Quân C xây dựng gia đình với nhau năm 1993, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, do cả hai cùng tự nguyện. Chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường hay ăn nhậu, không lo làm ăn, chửi bới vợ con. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn ông C.

Về con chung: Có 02 con chung .

1. Nguyễn Quân L, sinh năm 2002
2. Nguyễn Quân T, sinh năm 1995.

Các cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp và các quyết định tố tụng khác cho ông Nguyễn Quân C nhưng ông C không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai của ông C.

Tại biên bản xác minh ngày 09/4/2021, đại diện UBND xã C, huyện Long Thành cung cấp : Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Quân C có đăng ký kết hôn tại UBND xã C năm 1993, mâu thuẫn giữa bà S và ông C địa phương không nắm được vì họ không đề nghị hòa giải ở địa phương.

Về nợ : Không có ai khởi kiện về nợ đối với bà S và ông C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S.

Về con chung : Đã trưởng thành nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung : Đang sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà S. Ông Nguyễn Quân C đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông C xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Long Thành (số 37 ngày 21/12/1993) nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà S xin ly hôn ông C, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án đã gửi giấy triệu tập và thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải nhưng ông C không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ ông C không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, bà S kiên quyết xin ly hôn, không về đoàn tụ với ông C, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 40 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho bà S được ly hôn ông C.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà S khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 217, 218, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 40 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986 ; Điều 56, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S, xử cho bà S được ly hôn ông Nguyễn Quân C.

2. Về con chung: Không xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004695 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà S đã nộp đủ án phí.

5. Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Quân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND xã C
- Huyện Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên